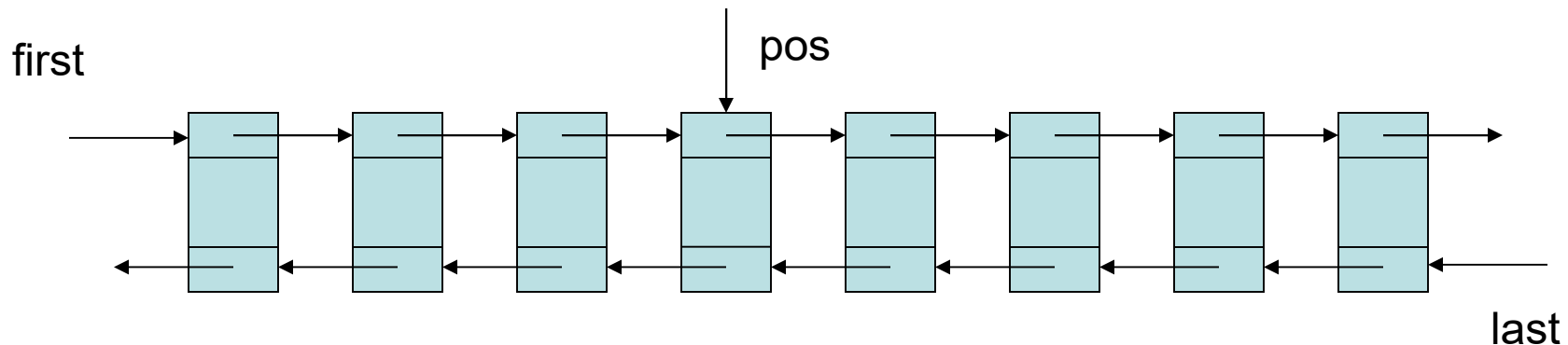


Danh sách liên kết đôi (Doubly Linked List)

Danh sách liên kết đôi

- Là danh sách mà mỗi phần tử có 2 mối liên kết:
 - next: để kết nối với phần tử kế tiếp
 - previous: để kết nối với phần tử trước nó



Cài đặt DSLK đôi

- Cài đặt: dựa trên con trỏ, bao gồm:
 - 3 con trỏ: first (đầu ds), pos (phần tử hiện hành), và last (cuối ds)
 - biến count: số phần tử của danh sách

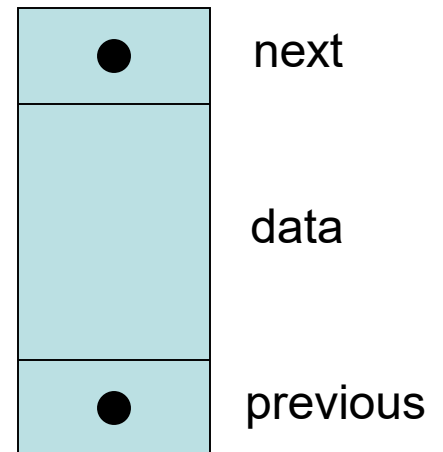
```
class Link {  
    public int dData;  
    public Link next;  
    public Link previous;  
    public Link(int d) {  
        dData = d;  
    }  
}
```

// data

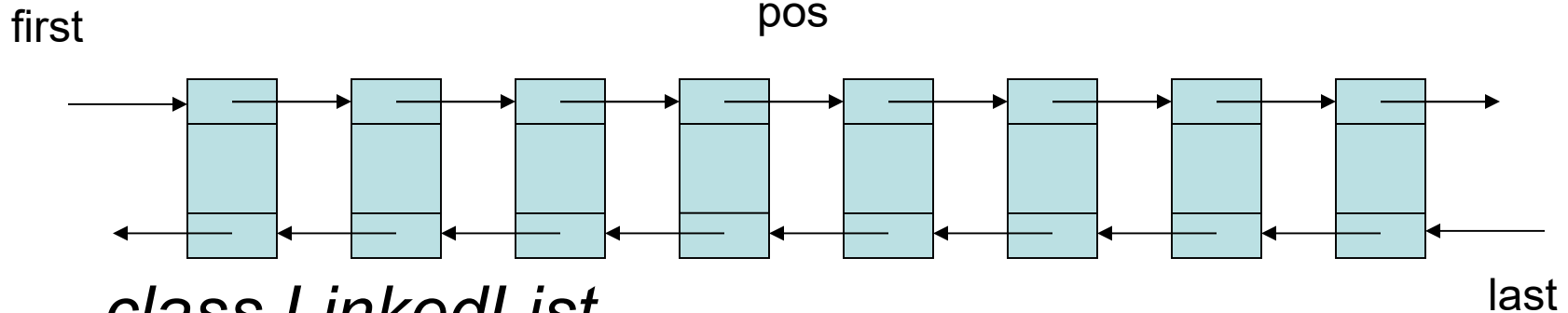
// next link in list

// next link in list

// constructor



Cài đặt DSLK đôi



```
class LinkedList
```

```
{
```

```
    private Link first; // ref to first link
```

```
    private Link last; // ref to last link
```

```
    private Link pos; // ref to last link
```

```
    private int count;
```

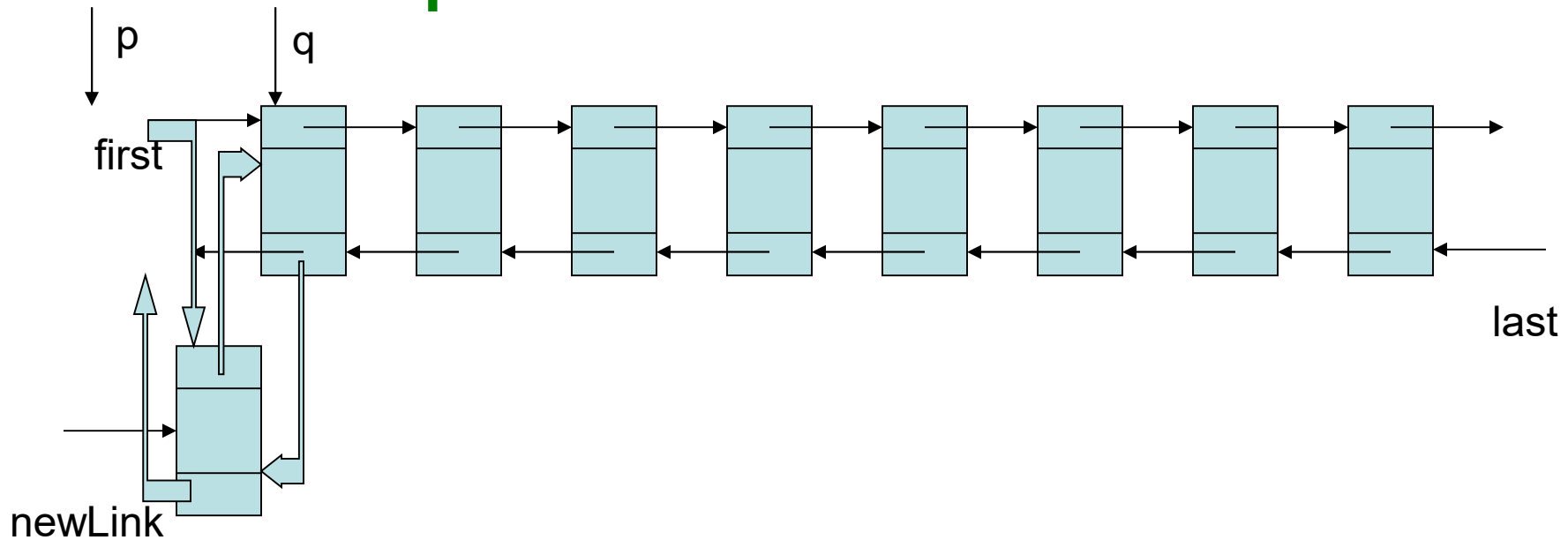
```
        //===== Các method =====
```

```
}
```

Các thao tác trên danh sách liên kết đôi

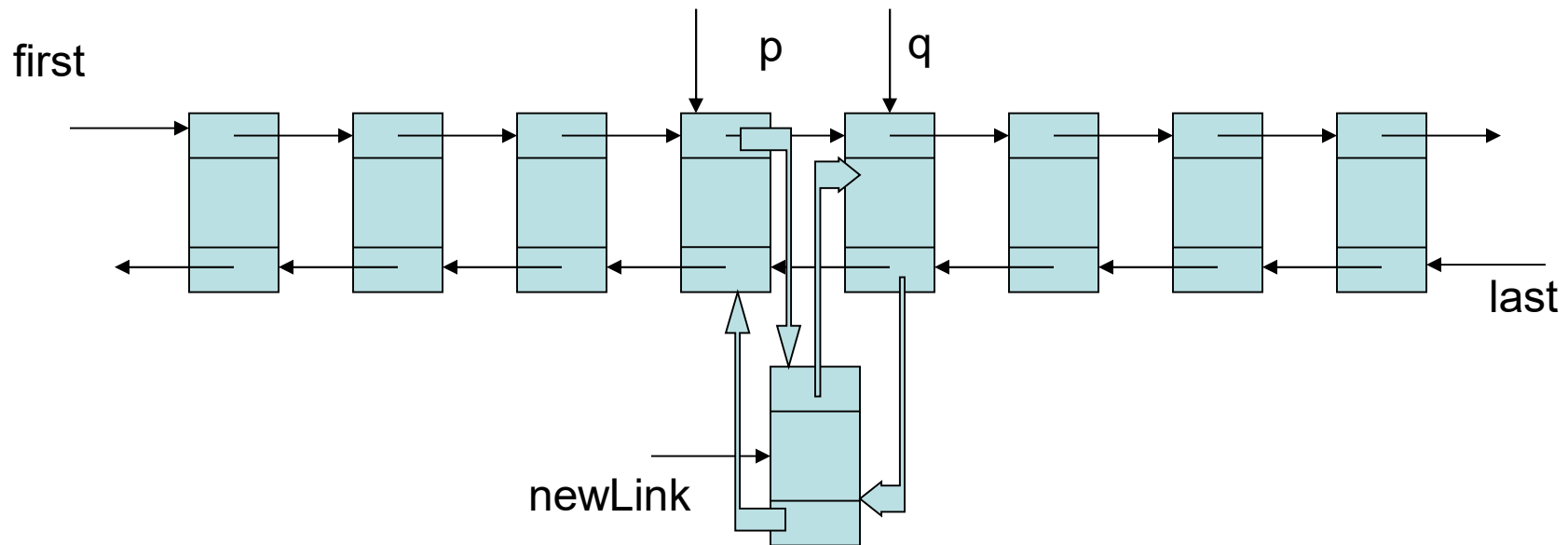
- Tương tự như danh sách liên kết đơn ngoại trừ 2 thao tác (cục bộ) làm thay đổi liên kết:
 - *Chèn phần tử vào danh sách*
 - *Xóa phần tử trong danh sách liên kết*
- Bổ sung thêm một số thao tác như:
 - *Khởi đầu từ cuối danh sách*
 - *Di chuyển qua phần tử trước phần tử hiện hành*

Chèn phần tử x vào danh sách



- Chèn đầu danh sách (xét theo chiều xuôi):
 - $q = first$
 - $newLink.next = q$
 - $first = newLink$

Chèn phần tử x vào danh sách



- Chèn sau p (xét theo chiều xuôi):
 - $q = p.next$
 - $newLink.next = q$
 - $p.next = newLink$

Thuật giải chèn phần tử

1. Cấp phát bộ nhớ cho *newp*, gán dữ liệu
2. Xác định con trỏ $q = (p == \text{null} ? \text{first} : p.\text{next})$
3. Kết nối xuôi
 - 3.1 $\text{newLink}.\text{next} = q;$
 - 3.2 Nếu $p = \text{null}$ thì
 $\text{first} = \text{newLink}$
 - 3.3 Ngược lại
 $p.\text{next} = \text{newLink}$
4. Kết nối ngược
 - 4.1 $\text{newLink}.\text{previous} = p;$
 - 4.2 Nếu $q = \text{null}$ thì
 $\text{last} = \text{newLink}$
 - 4.3 Ngược lại
 $q.\text{previous} = \text{newLink}$
5. Tăng biến count

Hàm chèn phần tử vào danh sách

```
private void insert(int dd, Link p)
{
    Link newLink, q;
    newLink = new Link(dd);    // make new link
    q = (p==null? first: p.next);
    newLink.next = q;
    if (p == null)
        first = newLink;
    else
        p.next = newLink;
    newLink.previous = p;
    if (q==null)
        last = newLink;
    else
        q.previous = newLink;
    count++;
}
```

Hàm xóa phần tử trong danh sách

```
private void delete(Link p)
{
    Link t, q;
    t = (p==null? first: p.next);
    q = t.next;
    if (p==null)
        first = q;
    else
        p.next = q;
    if (q==null)
        last = p;
    else
        q.previous = p;
    count--;
}
```

Bổ sung 2 hàm

- Khởi đầu tử cuối danh sách

```
public void startEnd()  
{  
    pos = last;  
}
```

- Di chuyển đến phần tử trước phần tử hiện hành

```
void previousLink()  
{  
    if (pos == null)  
        pos = last;  
    else  
        pos = pos.previous;  
}
```

BÀI TẬP

- Thiết kế kiểu số nguyên lớn (bigint) với các phép toán: cộng, nhân. Áp dụng tính $100!$, 17^{100}